

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B Đ
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 42/2021/HSST

Ngày: 26/8/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B Đ TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Bà: Lâm Thị Chức

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Điều Thị Hương
Ông Lê Đình Cóong

Thư ký phiên tòa: Bà Nông Thúy Hằng - Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B Đ tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Hiền– Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B Đ, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 41/2021/HSST ngày 05 tháng 7 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2021/HS-QĐXXST ngày 13 tháng 7 năm 2021 và thông báo dời lịch xét xử số: 12/TB-HS ngày 27/7/2021; Thông báo dời lịch xét xử số: 12/TB –HS ngày 16/8/2021 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Trương Thanh T, tên gọi khác: T Mão, sinh năm: 1986; HKTT: Ấp Th Th, thị trấn Th B, huyện B Đ, tỉnh Bình Phước; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 09/12; Con ông Trương Văn L, sinh năm: 1954 và bà Nguyễn Thị B, sinh năm: 1956; Bị cáo có 4 chị em lớn nhất sinh năm 1980, nhỏ nhất sinh năm 1989; Bị cáo có vợ tên Huỳnh Thị Thanh Nh, sinh năm: 1995 (đã ly hôn); có 01 người con sinh năm: 2016

Tiền án: Ngày 16/11/2012, bị Tòa án nhân dân huyện B Đ xử phạt 04 năm 06 tháng tù về tội “Cướp tài sản”, tại bản án số 56/2012/HSST.

Ngày 29/9/2016, bị Tòa án nhân dân huyện B Đ xử phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, tại bản án số 51/2016/HSST.

Ngày 06/12/2016, bị Tòa án nhân dân huyện B Đ xử phạt 18 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, tại bản án số 62/2016/HSST.

Ngày 30/12/2016, bị Tòa án nhân dân huyện B Đ xử phạt 18 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, tại bản án số 72/2016/HSST. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 12/7/2020. Bị cáo chưa được xóa án tích.

Tiền sự: Không.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam từ ngày 20/4/2021 đến nay tại Nhà tạm giữ Công an huyện B Đ. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: Nguyễn Thành H, sinh năm: 1992; Tên gọi khác: Không; HKTT: Ấp Th Th, thị trấn Th B, huyện B Đ, tỉnh Bình Phước; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 05/12; Con ông Nguyễn Thành H1, sinh năm: 1958 và bà Đỗ Thị M; sinh năm: 1962; Bị cáo có 03 người anh em lớn nhất sinh năm: 1982, nhỏ nhất 1999. Bị cáo có vợ tên Phạm Thị Hương Xuân, sinh năm: 1996 (đã ly thân); Có 01 người con sinh năm: 2008

Tiền án; Tiền sự: Không.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam từ ngày 20/4/2021 đến nay tại Nhà tạm giữ Công an huyện B Đ. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại:

1. Dương Thị Mai H2, sinh năm: 1974;

HKTT: Ấp T H, xã Ph Th, huyện B Đ, Bình Phước – có đơn yêu cầu vắng mặt;

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Lâm Quốc V, sinh năm: 1986;

Địa chỉ: Khu phố Th X, thị trấn Th B, huyện B Đ, tỉnh Bình Phước – có đơn yêu cầu vắng mặt;

- Ông Nguyễn Thành H1, sinh năm: 1958 – có mặt

- Ông Trương Văn L, sinh năm: 1954 – vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Ấp Th Th, thị trấn Th B, huyện B Đ, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ ngày 10/4/2021, Nguyễn Thành H gọi điện thoại rủ Trương Thanh T đến tiệm tạp hóa “Bình Hiền” của Dương Thị Mai H2 ở Ấp T H, xã Ph Th, huyện B Đ để trộm cắp tài sản. H điều khiển xe mô tô hiệu Dream (màu nâu, không biển số) chở T đến cách tiệm tạp hóa khoảng 100m rồi dừng lại; H đứng canh giới, T điều khiển xe mô tô chạy đến tiệm tạp hóa mua thuốc lá, nước uống để quan sát, T phát hiện trên bàn nhựa có để 01 hộp giấy (bên trong có 1.500.000 đồng, 01 số thẻ cào điện thoại trị giá 800.000 đồng) và 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Samsung, loại Galaxy A50, màu xanh ngọc. T chạy xe quay lại nói cho H biết. Sau đó H điều khiển xe mô tô chở T chạy đến tiệm tạp hóa của bà Hiền, H đứng bên ngoài canh giới, T đi vào hỏi mua thẻ cào điện thoại, thuốc lá. Lợi dụng lúc bà Hiền đi vào trong nhà lấy thuốc lá, T lén lút lấy trộm hộp giấy và điện thoại Samsung A50 rồi đi ra chỗ H. H điều khiển xe mô tô chở T đi đến khu vực lô cao su thuộc ấp Thiện Cư, xã Thiện Hưng, huyện B Đ kiểm tra tài sản trộm cắp được. T chia đôi cho H 750.000 đồng và số thẻ cào điện thoại trị giá 400.000 đồng, T lấy điện thoại Samsung A50 và

số tiền, thẻ cào còn lại. Đến ngày 12/4/2021, T bán điện thoại Samsung A50 cho anh Lâm Quốc Việt với giá 1.800.000 đồng.

Ngày 14/4/2021 bà Dương Thị Mai H2 đến CQCSĐT Công an huyện B Đ trình báo về việc bị mất trộm điện thoại, tiền và thẻ cào điện thoại. Căn cứ kết quả xác minh, điều tra, ngày 20/4/2021 CQCSĐT Công an huyện B Đ quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can Trương Thanh T và Nguyễn Thành H về tội “Trộm cắp tài sản” theo Điều 173 Bộ luật hình sự, thu giữ của T 01 điện thoại di động hiệu Nokia, màu xanh; thu giữ của H 01 điện thoại di động hiệu Starlight, Mo6, màu đen.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 335/2021/BKL-ĐGTS ngày 16/4/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện B Đ, xác định giá trị tài sản của 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Samsung, loại Galaxy A50, màu xanh ngọc, chất lượng sử dụng 72% là 4.384.800 đồng (bốn triệu ba trăm tám mươi bốn nghìn tám trăm đồng).

Cáo trạng số: 54/Ctr-VKS ngày 03 tháng 9 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện B Đ truy tố bị cáo Trương Thanh T về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự, bị cáo Nguyễn Thành H về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự;

Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B Đ vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo như trong nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên:

Về tội danh và mức hình phạt:

1. Tuyên bố bị cáo Trương Thanh T phạm tội “Trộm cắp tài sản”; Đề nghị áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; Điều 50, điểm b,s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38, Điều 58 của Bộ luật hình sự và đề xuất mức hình phạt đối với bị cáo từ 03 (ba) đến 04 (bốn) năm tù.

2. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thành H phạm tội “Trộm cắp tài sản”; Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 50; Điểm b,s, i khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58, của Bộ luật hình sự và đề xuất mức hình phạt đối với bị cáo từ 06(sáu) đến 09 (chín) tháng tù.

- Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại: Dương Thị Mai H2 có đơn yêu cầu vắng mặt tại phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn Thành H1 và ông Trương Thanh L là cha ruột của bị cáo T, H đã khắc phục hậu quả bồi thường cho bà Hiền số tiền 9.000.000 đồng; bà Hiền không yêu cầu gì thêm.

-Về vật chứng vụ án:

+ Tài sản không phải là công cụ phạm tội gồm điện thoại di động hiệu Nokia, màu xanh của Trương Thanh T; Điện thoại di động hiệu Starlight Mo 6, màu đen của Nguyễn Thành H đề nghị trả lại cho T và H.

+ 02 (hai) áo khoác đã bị cháy, phía trên có màu hồng nhạt, phía dưới có màu xanh đen đề nghị tịch thu tiêu hủy.

+ Đối với xe mô tô, loại Dream, màu nâu không rõ biển số là tài sản hợp pháp của ông Nguyễn Thành H1, ông H1 không biết H sử dụng vào việc phạm tội nên cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Các bị cáo không tham gia tranh luận, xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra công an huyện B Đ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện B Đ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng; Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng cũng không có khiếu nại gì. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung: Xuất phát từ mục đích tư lợi cá nhân, muốn có tiền tiêu xài nhanh chóng, lười lao động là các đối tượng nghiện ma túy, Khoảng 16 giờ ngày 10/4/2021, lợi dụng sự sơ hở của chủ sở hữu về quản lý tài sản các bị cáo Trương Thanh T và Nguyễn Thành H đến cửa hàng tạp hóa nhà Dương Thị Mai H2 ở khu vực Ấp T H, xã Ph Th, huyện B Đ mua thẻ cào điện thoại và thuốc lá. Lợi dụng lúc bà Hiền đi vào trong nhà lấy thuốc lá, T đã lén lút lấy trộm hộp giấy và 01 điện thoại sam sung A 50 rồi đi ra chỗ H đứng canh giới. H điều khiển xe mô tô chở T lên khu vực lô cao su thuộc ấp Th C, xã Th H kiểm tra tài sản trộm cắp được, T chia đôi số tiền cho H được 750.000 đồng và số thẻ cào điện thoại trị giá 400.000 đồng, T lấy điện thoại sam sung A50 và số tiền còn lại.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 335/2021/BKL-ĐGTS ngày 16/4/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện B Đ xác định giá trị tài sản của 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Sam sung, loại Galaxy A50, màu xanh ngọc, chất lượng sử dụng 72% là 4.384.800 đồng (bốn triệu ba trăm tám mươi bốn nghìn tám trăm đồng); Tiền mặt là 1.500.000 đồng; thẻ cào điện thoại trị giá: 800.000 đồng. Tổng giá trị tài sản các bị cáo chiếm đoạt của bà Hiền là 6.684.800 đồng (sáu triệu sáu trăm tám mươi bốn nghìn tám trăm đồng).

Hành vi lén lút trộm cắp tài sản của người khác của các bị cáo Trương Thanh T, Nguyễn Thành H đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”. tội phạm và hình phạt quy định tại Điều 173 của Bộ luật hình sự như Viện kiểm sát nhân dân huyện B Đ truy tố các bị cáo là đúng hành vi đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi: Hành vi trộm cắp tài sản của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm hại trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an, gây tâm lý bất ổn trong nhân dân tại địa bàn nơi xảy ra vụ án.

Các bị cáo là người thành niên ý thức rõ được hành vi của mình là trái pháp luật nhưng vì muốn có tiền tiêu xài cá nhân một cách nhanh chóng nên các bị cáo đã cố tình thực hiện tội phạm, điều này thể hiện rõ thái độ xem thường pháp luật của các bị cáo rất là cao. Vì vậy, cần xử phạt mức án thật nghiêm tương ứng với hành vi phạm tội của từng bị cáo nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Đây là vụ án mang tính chất đồng phạm giản đơn, các bị cáo cùng cố ý thực hiện tội phạm, trong đó bị cáo Nguyễn Thành H giữ vai trò là người khởi xướng đồng thời là người cảnh giới giúp sức tích cực cho T trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội được trót lọt. Do vậy bị cáo T và H phải chịu trách nhiệm hình sự là ngang nhau.

[4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không

[5] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa; Các bị cáo Trương Thanh T, Nguyễn Thành H thành khẩn khai báo ăn năn hối cải, tự nguyện bồi thường cho bị hại được qui định điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; Bị cáo H phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng quy định tại điểm i của Bộ luật hình sự.

[6]. Về nhân thân: Bị cáo T có nhân thân xấu cụ thể:

Tiền án: Ngày 16/11/2012, bị Tòa án nhân dân huyện B Đ xử phạt 04 năm 06 tháng tù về tội “Cướp tài sản”, tại bản án số 56/2012/HSST.

Ngày 29/9/2016, bị Tòa án nhân dân huyện B Đ xử phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, tại bản án số 51/2016/HSST.

Ngày 06/12/2016, bị Tòa án nhân dân huyện B Đ xử phạt 18 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, tại bản án số 62/2016/HSST.

Ngày 30/12/2016, bị Tòa án nhân dân huyện B Đ xử phạt 18 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, tại bản án số 72/2016/HSST. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 12/7/2020. Bị cáo T chưa được xóa án tích lại tiếp tục tái phạm về hành vi trộm cắp tài sản nên lần phạm tội này bị cáo phải chịu tình tiết định khung tăng nặng được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Điều này thể hiện rõ ý thức tuân thủ pháp luật không tốt của bị cáo T, mức hình phạt trước đây chưa đủ sức răn đe bị cáo T nên cần phải xử phạt bị cáo T mức án thật nghiêm.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Dương Thị Mai H2 có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt đã được ông Nguyễn Thành H1 và ông Trương Văn L là cha ruột của hai bị cáo bồi thường cho bà Hiền 9.000.000 đồng và không yêu cầu gì. HĐXX không xét.

Đối với ông Nguyễn Thành H1 trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa ông H1 trình bày: Số tiền 4.500.000 đ (bốn triệu năm trăm nghìn đồng) ông đã bỏ ra để bồi thường cho bà Hiền là tài sản của ông. Nay ông không yêu cầu bị cáo H phải có nghĩa vụ trả lại cho ông; Ông Trương Văn L có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Trong quá trình giải quyết vụ án ông Trương Văn L ông đã bồi thường cho bà Hiền 4.500.000 đồng là tài sản của ông, ông L không yêu cầu bị cáo T phải trả lại cho ông. HĐXX không xét.

Đối với ông Lâm Quốc V đã mua điện thoại của Trương Thanh T không biết nguồn gốc tài sản là do trộm cắp mà có; Vì vậy cơ quan cảnh sát Điều tra không đề cập xử lý là có căn cứ.

[8] Xét quan điểm và đường lối xử lý của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B Đ tại phiên tòa về hình phạt đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

[9] Về vật chứng:

+ Điện thoại di động hiệu Nokia, màu xanh của Trương Thanh T; Điện thoại di động hiệu Starlight, Mo6 màu đen của Nguyễn Thành H. Tại phiên tòa các bị cáo khai không dùng các điện thoại này vào việc phạm tội đề nghị trả lại cho bị cáo theo quy định;

+ 02 (hai) áo khoác đã bị cháy, phía trên có màu hồng nhạt, phía dưới có màu xanh đen đề nghị tịch thu tiêu hủy.

+ Đối với xe mô tô, loại Dream, màu nâu không rõ biển số là tài sản hợp pháp của ông Nguyễn Thành H1, ông H1 không biết H sử dụng vào việc phạm tội nên cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

[10] Về án phí: Áp dụng Điều 135 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; các bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Tuyên bố các bị cáo Trương Thanh T và Nguyễn Thành H phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng: Điểm g khoản 2 Điều 173; Điều 50, điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Trương Thanh T 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn tù kể từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam 20/4/2021.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; Điều 50; điểm b,s,i khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Nguyễn Thành H 08 (tám) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam ngày 20/4/2021.

[2] Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra

[3] Vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 47 BLHS 2015, Điều 106 BLTTHS 2015

Tuyên trả 01 điện thoại di động hiệu Nokia, màu xanh cho bị cáo Trương Thanh T; 01 điện thoại di động hiệu Starlight, Mo6 màu đen cho Nguyễn Thành H (Theo Biên bản giao nhận vật chứng số 0007704 ngày 05/7/2021 giữa Cơ quan CSĐT Công an huyện B Đ và Chi cục THADS huyện B Đ)

Tuyên tịch thu tiêu hủy 02 (hai) áo khoác đã bị cháy, phía trên có màu hồng nhạt, phía dưới có màu xanh đen (*Theo Biên bản giao nhận vật chứng số 0007705 ngày 09/7/2021 giữa Cơ quan CSĐT Công an huyện B Đ và Chi cục THADS huyện B Đ*)

[4] Án phí: Áp dụng Điều 135 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Các bị cáo Trương Thanh T và Nguyễn Thành H mỗi người phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND Bình Phước;
- VKSND huyện B Đ;
- Công an huyện B Đ;
- Chi cục THADS huyện B Đ;
- Các bị cáo;
- Các đương sự;
- Lưu.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lâm Thị Chức